TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 199 /2023/DS-PT
Ngày 03 – 7 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Đinh Cẩm Đào

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 178/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Kim S, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Bị đơn*: Bà Mai Hồng T, sinh năm 1966;

Địa chỉ cư trú: Khóm 6, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn: Anh Võ Việt B, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh C . (Văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 3 năm 2023) (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bà Mai Hồng T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, chị Trần Kim S trình bày:

Ngày 30/6/2017 (al), bà Mai Hồng T vay của chị 180.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật. Bà T hứa hẹn sau khi chuyển nhượng được đất sẽ trả tiền lại cho chị. Vài tháng sau, bà T tiếp tục vay thêm của chị

6.000.000 đồng. Do không trả lãi, vốn nên đến ngày 01/01/2020, bà T làm giấy nợ cho chị tổng vốn lãi là 200.000.000 đồng. Chị đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà T vẫn không trả tiền. Nay, chị yêu cầu bà T trả cho chị số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, bà Mai Hồng T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim S. Buộc bà Mai Hồng T có nghĩa vụ trả cho chị Trần Kim S tổng vốn, lãi là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/4/2023, bà Mai Hồng T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người đại diện theo uỷ quyền của bà Mai Hồng T thay đổi yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu Tòa án tỉnh Cà Mau sửa án sơ thẩm. Đồng ý trả cho chị S 20.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật hoặc đồng ý trả 100.000.000 đồng.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Hồng T tranh luận: Tài sản của vợ chồng là tài sản chung, nhưng bà T vay tiền mà không có sự đồng ý của chồng bà T là không đúng quy định. Do đó, bà T chỉ đồng ý trả ½ số tiền nợ với số tiền 100.000.000 đồng.

Chị Trần Kim S tranh luận: Yêu cầu Tòa án giải quyết nhanh vì tài sản của bà T đang bị kê biên thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Hồng T, Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Mai Hồng T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Mai Hồng T thừa nhận: Bà T có ký tên và viết họ tên Mai Hồng T vào Tờ giấy đề ngày 01- 01-2020 ÂL với nội dung: "*Ngày 01.01.2020 tôi tên MAI Hồng THo có nợ của kim sang số tiền là 200.000.000 (hai trăm triệu đồng).*". Tuy nhiên, bà T cho rằng chỉ có vay 20.000.000 đồng vào năm 2005, tính lãi 3%/tháng nên năm 2020 mới có giấy nhận nợ 200.000.000 đồng. Như vậy, bà T thừa nhận

chữ ký và chữ viết trong tờ giấy nhận nợ trên là của bà T, nhưng cho rằng không có vay số tiền 200.000.000 đồng.

[2] Bà T cho rằng, số tiền 200.000.000 đồng là do lãi nhập vốn của khoản vay 20.000.000 đồng năm 2015 nhưng bà T không cung cấp được các chứng cứ chứng minh bà T chỉ vay của chị S 20.000.000 đồng tiền vốn. Bà T cũng không chứng minh được vì sao từ số tiền vay 20.000.000 đồng từ năm 2015 đến năm 2020 lại nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T có cung cấp đoạn ghi âm kèm theo văn bản trích nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T, chị Nhi (con bà T) với bà S. Nội dung đoạn ghi âm có thể hiện: Trong số tiền 200.000.000 đồng tại biên nhận ngày 01 tháng 01 năm 2020 (al) có tiền hụi, tiền vay, tiền lãi nhưng không thể hiện rõ tiền hụi, tiền vay, tiền lãi là bao nhiêu. Do đó, biên nhận ngày 01 tháng 01 năm 2020 (al) là biên nhận tổng kết nợ của bà T thiếu chị S. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không chứng minh được số tiền lãi trong tổng số nợ 200.000.000 đồng. Do đó, chấp nhận sự thừa nhận của nguyên đơn, trong số tiền 200.000.000 đồng có 14.000.000 đồng tiền lãi vay được tính từ ngày 30 tháng 6 năm 2017 (al) đến ngày 01 tháng 01 năm 2020 (al). Như vậy, số tiền lãi 14.000.000 đồng là thấp hơn lãi suất Nhà nước quy định nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà T đồng ý thiếu bà S 200.000.000 đồng nhưng cho rằng khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên bà T chỉ phải chịu 100.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T thừa nhận khi vay tiền của chị S thì chồng của bà T không biết nên bà T phải tự chịu trách nhiệm trả đối với số tiền 200.000.000 đồng. Nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu bà T trả nợ nên án sơ thẩm buộc bà T trả 200.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 61/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà là phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng; bà T có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng được chuyển thu, đối trừ.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Hồng T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim S.

Buộc bà Mai Hồng T có nghĩa vụ trả cho chị Trần Kim S số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị S cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bà T phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Hồng T phải chịu là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Chị Trần Kim S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị S tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai số 0013739 ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Hồng T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 27/4/2023, bà T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0014062 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu, đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Trung